

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 cho sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh sách sinh viên đại học hệ chính quy được hưởng chế độ trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2021 - 2022. Cụ thể như sau:

- Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao: 29 Sinh viên
- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ: 02 Sinh viên
- Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước: 01 Sinh viên
- Sinh viên thuộc hộ nghèo vượt khó học tập: 14 Sinh viên

Tổng cộng: 46 sinh viên.

(Danh sách sinh viên và mức được trợ cấp xã hội kèm theo)



MeP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tài chính, phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, các Khoa, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu VT, TS&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

(Theo Quyết định số 1740/QĐ-ĐHKT/L ngày 30 tháng 11 năm 2022)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Mã Đ.Tượng	Tên Đối Tượng	Điểm HT	Điểm RL	TC/Tháng	06 tháng/HK
1	K184010005	NÔNG TRỌNG	ĐẠI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
2	K184010012	HÀ THỊ	HĂNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
3	K184010026	CHU THỊ MAI	LINH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
4	K184010061	ĐỖ HOÀNG LINH	TRÂM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
5	K184030265	NEÁNG SÓC	NAL	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
6	K184050591	ĐỒNG THỊ	PHIM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
7	K184070857	NÔNG THỊ	NHỊ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
8	K184081000	BÙI CẨM	HUỜNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
9	K184081004	HOÀNG KIM	LIÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
10	K184081056	HỨA THỊ	YẾN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
11	K184081121	NGUYỄN THỊ VÂN	OANH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
12	K184091208	HUỲNH NỮ YẾN	VĨ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
13	K185031780	HÀ THỊ NGỌC	LÊ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Mã Đ.Tượng	Tên Đối Tượng	Điểm HT	Điểm RL	TC/Tháng	06 tháng/HK
14	K185041900	LỤC THỊ	THANH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
15	K194010003	H' SA NA	AYŨN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
16	K194030327	ĐỖ HOÀNG BÍCH	TRÂM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
17	K194050621	ĐỒNG THỊ QUỲNH	GIANG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
18	K194070883	Y MÀU	AYŨN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
19	K194101423	LÒ THÁI HUYỀN	TRÂN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
20	K194101429	NÔNG THỊ BÍCH	VÂN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
21	K195021964	HOÀNG THỊ	HỒNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
22	K204010913	LÊ THỊ TỎ	UYÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
23	K204031032	DƯƠNG THỊ NGỌC	HUYỀN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
24	K204061398	LỘC THỊ NGỌC	HUYỀN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
25	K204091633	HOÀNG THỊ	CHÂM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
26	K204100523	NÔNG THỊ	PHUỘNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
27	K204100527	HOÀNG THỊ THU	THÚY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
28	K214100737	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000
29	K214101927	HOÀNG ĐỨC	THỊNH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.			140.000	840.000



STT	Mã SV	Họ Và Tên		Mã Đ. Tượng	Tên Đối Tượng	Điểm HT	Điểm RL	TC/Tháng	06 tháng/HK
30	K194111524	TRẦN THỊ DIỄM	CHÂU	TCXH-DT-02	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.			100.000	600.000
31	K194101411	NGUYỄN VĂN	QUYỀN	TCXH-DT-02	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.			100.000	600.000
32	K204070318	HOÀNG CHI	MẠNH	TCXH-DT-03	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước.			100.000	600.000
33	K185011581	PHÚ THỊ BÍCH	TRANG	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.0	85	100.000	600.000
34	K184020112	NGUYỄN THỊ	CHÂU	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.0	80	100.000	600.000
35	K184060773	PHẠM THANH HẢI	VY	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.0	72	100.000	600.000
36	K194101392	NGUYỄN THỊ	MÃN	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.68	85	100.000	600.000
37	K194101381	TRẦN THỊ THU	HIỀN	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.23	84	100.000	600.000
38	K194060823	NGUYỄN THỊ	THÚY	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.23	87	100.000	600.000
39	K204010850	NGUYỄN THỊ THIÊN	THẠCH	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.75	96	100.000	600.000
40	K204071473	HUỖNH THỊ Ý	NHI	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.08	86	100.000	600.000
41	K204101724	NGUYỄN THU	THANH	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.26	89	100.000	600.000

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Mã Đ.Tượng	Tên Đối Tượng	Điểm HT	Điểm RL	TC/Tháng	06 tháng/HK
42	K204111786	NGUYỄN THU	THẢO	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.42	94	100.000	600.000
43	K204010873	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.57	93	100.000	600.000
44	K204031073	HOÀNG THỊ MAI	THI	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	8.45	91	100.000	600.000
45	K214051662	PHAN THỊ	HÀI	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.73	88	100.000	600.000
46	K204030156	LÝ KIM	TÀI	TCXH-DT-04	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), vượt khó học tập.	7.5	94	100.000	600.000

Tổng cộng: 46 sinh viên

Tổng số tiền 34.560.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

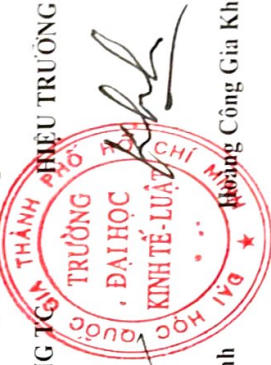
NGƯỜI LẬP BẢNG

LÃNH ĐẠO PHÒNG TS&CTSV

LÃNH ĐẠO PHÒNG TCVN HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Như

Cù Xuân Tiến



Lợi Minh Thanh

Hoàng Công Gia Khánh